

KẾT QUẢ CHUYỂN ĐIỂM, MIỄN HỌC PHẦN TIẾNG ANH K48, 49 (KSV) ĐHCQ - ĐỢT 2 THÁNG 9/2025

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2912/QĐ-ĐHKT-PHVL, ngày 02 tháng 10 năm 2025 của
Giám đốc Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh)*

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học
1	31221570308	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
2	31221570308	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
3	31221570308	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
4	31221570308	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
5	31221570262	Bùi Mạnh	Cường	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
6	31221570262	Bùi Mạnh	Cường	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
7	31221570262	Bùi Mạnh	Cường	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
8	31221570262	Bùi Mạnh	Cường	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
9	31221570261	Nguyễn Bảo	Hà	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
10	31221570261	Nguyễn Bảo	Hà	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
11	31221570261	Nguyễn Bảo	Hà	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
12	31221570261	Nguyễn Bảo	Hà	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
13	31221570318	Lê Nguyễn Gia	Hân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
14	31221570318	Lê Nguyễn Gia	Hân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
15	31221570318	Lê Nguyễn Gia	Hân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
16	31221570318	Lê Nguyễn Gia	Hân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
17	31221570329	Cao Ngọc	Hân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
18	31221570329	Cao Ngọc	Hân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
19	31221570329	Cao Ngọc	Hân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
20	31221570329	Cao Ngọc	Hân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
21	31221570228	Dương Thị Hồng	Hạnh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
22	31221570228	Dương Thị Hồng	Hạnh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
23	31221570228	Dương Thị Hồng	Hạnh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học
24	31221570228	Dương Thị Hồng	Hạnh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
25	31221570315	Phùng Thị Thu	Hồng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
26	31221570315	Phùng Thị Thu	Hồng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
27	31221570315	Phùng Thị Thu	Hồng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
28	31221570315	Phùng Thị Thu	Hồng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
29	31221570231	Lê Thị Thanh	Hương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
30	31221570231	Lê Thị Thanh	Hương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
31	31221570231	Lê Thị Thanh	Hương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
32	31221570231	Lê Thị Thanh	Hương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
33	31221570269	Lương Minh	Kiều	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1
34	31221570269	Lương Minh	Kiều	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2
35	31221570269	Lương Minh	Kiều	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3
36	31221570269	Lương Minh	Kiều	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4
37	31221570312	Văn Thị Thu	Lài	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
38	31221570312	Văn Thị Thu	Lài	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
39	31221570312	Văn Thị Thu	Lài	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
40	31221570312	Văn Thị Thu	Lài	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
41	31221570268	Phùng Nguyễn Tấn	Lộc	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
42	31221570268	Phùng Nguyễn Tấn	Lộc	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
43	31221570268	Phùng Nguyễn Tấn	Lộc	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
44	31221570268	Phùng Nguyễn Tấn	Lộc	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
45	31221570263	Huỳnh Thị Quỳnh	Như	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
46	31221570263	Huỳnh Thị Quỳnh	Như	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
47	31221570263	Huỳnh Thị Quỳnh	Như	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
48	31221570263	Huỳnh Thị Quỳnh	Như	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
49	31221570305	Nguyễn Huỳnh	Như	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
50	31221570305	Nguyễn Huỳnh	Như	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
51	31221570305	Nguyễn Huỳnh	Như	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học
52	31221570305	Nguyễn Huỳnh	Như	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
53	31221570320	Võ Thị Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
54	31221570320	Võ Thị Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
55	31221570320	Võ Thị Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
56	31221570320	Võ Thị Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
57	31221570582	Bùi Thị Huỳnh	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
58	31221570582	Bùi Thị Huỳnh	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
59	31221570582	Bùi Thị Huỳnh	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
60	31221570582	Bùi Thị Huỳnh	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
61	31221570224	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
62	31221570224	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
63	31221570224	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
64	31221570224	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
65	31221570284	Trần Thị Kim	Phụng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
66	31221570284	Trần Thị Kim	Phụng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
67	31221570284	Trần Thị Kim	Phụng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
68	31221570284	Trần Thị Kim	Phụng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
69	31221570321	Nguyễn Phạm Trúc	Quyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
70	31221570321	Nguyễn Phạm Trúc	Quyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
71	31221570321	Nguyễn Phạm Trúc	Quyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
72	31221570321	Nguyễn Phạm Trúc	Quyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
73	31221570229	Lê Thanh	Tâm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
74	31221570229	Lê Thanh	Tâm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
75	31221570229	Lê Thanh	Tâm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
76	31221570229	Lê Thanh	Tâm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
77	31221570226	Ngô Thị Hồng	Thắm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
78	31221570226	Ngô Thị Hồng	Thắm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
79	31221570226	Ngô Thị Hồng	Thắm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học
80	31221570226	Ngô Thị Hồng	Thắm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
81	31221570326	Nguyễn Ngọc	Thảo	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
82	31221570326	Nguyễn Ngọc	Thảo	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
83	31221570326	Nguyễn Ngọc	Thảo	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
84	31221570326	Nguyễn Ngọc	Thảo	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
85	31221570230	Huỳnh Dương Ngọc	Trâm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
86	31221570230	Huỳnh Dương Ngọc	Trâm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
87	31221570230	Huỳnh Dương Ngọc	Trâm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
88	31221570230	Huỳnh Dương Ngọc	Trâm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
89	31221570317	Phùng Thị Huyền	Trân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
90	31221570317	Phùng Thị Huyền	Trân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
91	31221570317	Phùng Thị Huyền	Trân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
92	31221570317	Phùng Thị Huyền	Trân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
93	31221570291	Nguyễn Thùy	Trang	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
94	31221570291	Nguyễn Thùy	Trang	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
95	31221570291	Nguyễn Thùy	Trang	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
96	31221570291	Nguyễn Thùy	Trang	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
97	31221570258	Nguyễn Trần Thanh	Trúc	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
98	31221570258	Nguyễn Trần Thanh	Trúc	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
99	31221570258	Nguyễn Trần Thanh	Trúc	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
100	31221570258	Nguyễn Trần Thanh	Trúc	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
101	31221570328	Phạm Huệ	Uyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
102	31221570328	Phạm Huệ	Uyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
103	31221570328	Phạm Huệ	Uyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
104	31221570328	Phạm Huệ	Uyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
105	31221570279	Võ Nguyễn Thị Tường	Vi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
106	31221570279	Võ Nguyễn Thị Tường	Vi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
107	31221570279	Võ Nguyễn Thị Tường	Vi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học
108	31221570279	Võ Nguyễn Thị Tường	Vi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
109	31221570282	Văn Thị Thanh	Xuân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
110	31221570282	Văn Thị Thanh	Xuân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
111	31221570282	Văn Thị Thanh	Xuân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
112	31221570282	Văn Thị Thanh	Xuân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kế toán doanh nghiệp - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
113	31221570211	Nguyễn Phát	Đạt	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
114	31221570211	Nguyễn Phát	Đạt	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
115	31221570211	Nguyễn Phát	Đạt	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
116	31221570211	Nguyễn Phát	Đạt	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
117	31221570164	Lê Văn	Dững	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
118	31221570164	Lê Văn	Dững	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
119	31221570164	Lê Văn	Dững	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
120	31221570164	Lê Văn	Dững	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
121	31221570180	Võ Thị Thúy	Duy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1
122	31221570180	Võ Thị Thúy	Duy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2
123	31221570180	Võ Thị Thúy	Duy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3
124	31221570180	Võ Thị Thúy	Duy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4
125	31221570213	Trần Phan Đăng	Khoa	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
126	31221570213	Trần Phan Đăng	Khoa	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
127	31221570213	Trần Phan Đăng	Khoa	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
128	31221570213	Trần Phan Đăng	Khoa	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
129	31221570171	Đỗ Nguyên	Linh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1
130	31221570171	Đỗ Nguyên	Linh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2
131	31221570171	Đỗ Nguyên	Linh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3
132	31221570171	Đỗ Nguyên	Linh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4
133	31221570168	Mai Lê Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1
134	31221570168	Mai Lê Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2
135	31221570168	Mai Lê Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học
136	31221570217	Trần Bảo	Ngọc	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1
137	31221570217	Trần Bảo	Ngọc	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2
138	31221570217	Trần Bảo	Ngọc	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3
139	31221570217	Trần Bảo	Ngọc	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4
140	31221570332	Văn Thị Ái	Nguyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
141	31221570332	Văn Thị Ái	Nguyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
142	31221570332	Văn Thị Ái	Nguyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
143	31221570332	Văn Thị Ái	Nguyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
144	31221570178	Võ Lê Khôi	Nguyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4
145	31221570184	Bùi Thị Hồng	Nhiên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
146	31221570184	Bùi Thị Hồng	Nhiên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
147	31221570184	Bùi Thị Hồng	Nhiên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
148	31221570184	Bùi Thị Hồng	Nhiên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
149	31221570514	Huỳnh Bảo	Trần	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
150	31221570514	Huỳnh Bảo	Trần	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
151	31221570514	Huỳnh Bảo	Trần	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
152	31221570514	Huỳnh Bảo	Trần	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
153	31221570176	Nguyễn Thảo	Vân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
154	31221570176	Nguyễn Thảo	Vân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
155	31221570176	Nguyễn Thảo	Vân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
156	31221570176	Nguyễn Thảo	Vân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Kinh doanh quốc tế - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
157	31221570032	Nguyễn Huỳnh Kim	Anh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
158	31221570032	Nguyễn Huỳnh Kim	Anh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
159	31221570032	Nguyễn Huỳnh Kim	Anh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
160	31221570032	Nguyễn Huỳnh Kim	Anh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
161	31221570051	Dương Đoàn Quế	Băng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học
162	31221570051	Dương Đoàn Quế	Băng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
163	31221570051	Dương Đoàn Quế	Băng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
164	31221570041	Lê Huỳnh Hải	Đăng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
165	31221570041	Lê Huỳnh Hải	Đăng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
166	31221570041	Lê Huỳnh Hải	Đăng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
167	31221570041	Lê Huỳnh Hải	Đăng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
168	31221570063	Hồ Công	Dự	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
169	31221570063	Hồ Công	Dự	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
170	31221570063	Hồ Công	Dự	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
171	31221570063	Hồ Công	Dự	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
172	31221570031	Tô Ngọc	Hân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
173	31221570031	Tô Ngọc	Hân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
174	31221570031	Tô Ngọc	Hân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
175	31221570031	Tô Ngọc	Hân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
176	31221570083	Trần Nguyễn Thanh	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
177	31221570083	Trần Nguyễn Thanh	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
178	31221570083	Trần Nguyễn Thanh	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
179	31221570083	Trần Nguyễn Thanh	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
180	31221570058	Phạm Thị Mỹ	Như	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
181	31221570058	Phạm Thị Mỹ	Như	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
182	31221570058	Phạm Thị Mỹ	Như	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học
183	31221570058	Phạm Thị Mỹ	Như	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
184	31221570037	Bùi Đức	Tài	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
185	31221570037	Bùi Đức	Tài	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
186	31221570037	Bùi Đức	Tài	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
187	31221570037	Bùi Đức	Tài	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
188	31221570033	Nguyễn Ngọc Như	Tâm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
189	31221570033	Nguyễn Ngọc Như	Tâm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
190	31221570033	Nguyễn Ngọc Như	Tâm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
191	31221570033	Nguyễn Ngọc Như	Tâm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
192	31221570064	Nguyễn Trọng	Thăng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
193	31221570064	Nguyễn Trọng	Thăng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
194	31221570064	Nguyễn Trọng	Thăng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
195	31221570064	Nguyễn Trọng	Thăng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
196	31221570059	Nguyễn Thị Anh	Thư	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
197	31221570059	Nguyễn Thị Anh	Thư	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
198	31221570059	Nguyễn Thị Anh	Thư	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
199	31221570059	Nguyễn Thị Anh	Thư	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
200	31221570056	Phạm Thị Mỹ	Trân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
201	31221570056	Phạm Thị Mỹ	Trân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
202	31221570056	Phạm Thị Mỹ	Trân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
203	31221570056	Phạm Thị Mỹ	Trân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học
204	31221570069	Trần Nguyễn Bảo	Trần	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
205	31221570069	Trần Nguyễn Bảo	Trần	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
206	31221570069	Trần Nguyễn Bảo	Trần	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
207	31221570085	Lê Diễm	Trinh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
208	31221570085	Lê Diễm	Trinh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
209	31221570085	Lê Diễm	Trinh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
210	31221570085	Lê Diễm	Trinh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
211	31221570060	Trần Lâm	Vũ	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
212	31221570060	Trần Lâm	Vũ	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
213	31221570060	Trần Lâm	Vũ	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
214	31221570060	Trần Lâm	Vũ	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
215	31221570571	Hoàng Thị	Hòa	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Luật kinh doanh - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
216	31221570571	Hoàng Thị	Hòa	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Luật kinh doanh - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
217	31221570571	Hoàng Thị	Hòa	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Luật kinh doanh - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
218	31221570571	Hoàng Thị	Hòa	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Luật kinh doanh - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
219	31221570340	Đặng Nhật	Huy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Luật kinh doanh - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
220	31221570340	Đặng Nhật	Huy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Luật kinh doanh - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
221	31221570340	Đặng Nhật	Huy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Luật kinh doanh - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
222	31221570340	Đặng Nhật	Huy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Luật kinh doanh - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
223	31221570515	Bùi Đạt Gia	Khang	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Luật kinh doanh - Khóa 48 PHVL	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1
224	31221570515	Bùi Đạt Gia	Khang	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Luật kinh doanh - Khóa 48 PHVL	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2
225	31221570515	Bùi Đạt Gia	Khang	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Luật kinh doanh - Khóa 48 PHVL	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3
226	31221570515	Bùi Đạt Gia	Khang	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Luật kinh doanh - Khóa 48 PHVL	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4
227	31221570334	Nguyễn Đăng	Khôi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Luật kinh doanh - Khóa 48 PHVL	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1
228	31221570334	Nguyễn Đăng	Khôi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Luật kinh doanh - Khóa 48 PHVL	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học
229	31221570334	Nguyễn Đăng	Khôi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Luật kinh doanh - Khóa 48 PHVL	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3
230	31221570334	Nguyễn Đăng	Khôi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Luật kinh doanh - Khóa 48 PHVL	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4
231	31221570513	Trương Triệu	Minh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Luật kinh doanh - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
232	31221570513	Trương Triệu	Minh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Luật kinh doanh - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
233	31221570513	Trương Triệu	Minh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Luật kinh doanh - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
234	31221570513	Trương Triệu	Minh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Luật kinh doanh - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
235	31221570365	Hoàng Hữu	Phúc	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Luật kinh doanh - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
236	31221570365	Hoàng Hữu	Phúc	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Luật kinh doanh - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
237	31221570365	Hoàng Hữu	Phúc	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Luật kinh doanh - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
238	31221570365	Hoàng Hữu	Phúc	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Luật kinh doanh - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
239	31221570363	Nguyễn Thị Xuân	Thanh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Luật kinh doanh - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
240	31221570363	Nguyễn Thị Xuân	Thanh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Luật kinh doanh - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
241	31221570363	Nguyễn Thị Xuân	Thanh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Luật kinh doanh - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
242	31221570363	Nguyễn Thị Xuân	Thanh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Luật kinh doanh - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
243	31221570206	Dương Thanh	Đăng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
244	31221570206	Dương Thanh	Đăng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
245	31221570206	Dương Thanh	Đăng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
246	31221570206	Dương Thanh	Đăng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
247	31221570153	Nguyễn Cù Bảo	Duy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
248	31221570153	Nguyễn Cù Bảo	Duy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
249	31221570153	Nguyễn Cù Bảo	Duy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
250	31221570153	Nguyễn Cù Bảo	Duy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
251	31221570240	Nguyễn Hoàng Khánh	Duy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
252	31221570240	Nguyễn Hoàng Khánh	Duy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
253	31221570240	Nguyễn Hoàng Khánh	Duy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
254	31221570240	Nguyễn Hoàng Khánh	Duy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
255	31221570239	Tống Xuân	Hà	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
256	31221570239	Tống Xuân	Hà	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học
257	31221570239	Tống Xuân	Hà	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
258	31221570239	Tống Xuân	Hà	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
259	31221570352	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
260	31221570352	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
261	31221570352	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
262	31221570352	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
263	31221570234	Nguyễn Trung	Hiếu	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
264	31221570234	Nguyễn Trung	Hiếu	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
265	31221570234	Nguyễn Trung	Hiếu	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
266	31221570234	Nguyễn Trung	Hiếu	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
267	31221570157	Nguyễn Thị Tuyết	Hương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
268	31221570157	Nguyễn Thị Tuyết	Hương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
269	31221570157	Nguyễn Thị Tuyết	Hương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
270	31221570157	Nguyễn Thị Tuyết	Hương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
271	31221570204	Trương Ngọc	Linh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
272	31221570204	Trương Ngọc	Linh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
273	31221570204	Trương Ngọc	Linh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
274	31221570204	Trương Ngọc	Linh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
275	31221570151	Phạm Trúc	Mai	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
276	31221570151	Phạm Trúc	Mai	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
277	31221570151	Phạm Trúc	Mai	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
278	31221570151	Phạm Trúc	Mai	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
279	31221570202	Lê Thị Hà	My	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
280	31221570202	Lê Thị Hà	My	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
281	31221570202	Lê Thị Hà	My	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
282	31221570202	Lê Thị Hà	My	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
283	31221570286	Phạm Huỳnh Ngọc	Nga	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
284	31221570286	Phạm Huỳnh Ngọc	Nga	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học
285	31221570286	Phạm Huỳnh Ngọc	Nga	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
286	31221570286	Phạm Huỳnh Ngọc	Nga	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
287	31221570191	Phạm Trần Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
288	31221570191	Phạm Trần Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
289	31221570191	Phạm Trần Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
290	31221570191	Phạm Trần Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
291	31221570232	Lê Huỳnh Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
292	31221570232	Lê Huỳnh Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
293	31221570232	Lê Huỳnh Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
294	31221570232	Lê Huỳnh Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
295	31221570158	Nguyễn Phú Khôi	Nguyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1
296	31221570158	Nguyễn Phú Khôi	Nguyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2
297	31221570158	Nguyễn Phú Khôi	Nguyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3
298	31221570158	Nguyễn Phú Khôi	Nguyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4
299	31221570203	Nguyễn Kim	Nguyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
300	31221570203	Nguyễn Kim	Nguyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
301	31221570203	Nguyễn Kim	Nguyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
302	31221570203	Nguyễn Kim	Nguyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
303	31221570161	Ngô Kha	Nhi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
304	31221570161	Ngô Kha	Nhi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
305	31221570161	Ngô Kha	Nhi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
306	31221570161	Ngô Kha	Nhi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
307	31221570205	Võ Hà	Như	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
308	31221570205	Võ Hà	Như	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
309	31221570205	Võ Hà	Như	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
310	31221570205	Võ Hà	Như	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
311	31221570244	Nguyễn Bùi Hữu	Phước	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
312	31221570244	Nguyễn Bùi Hữu	Phước	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học
313	31221570244	Nguyễn Bùi Hữu	Phước	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
314	31221570244	Nguyễn Bùi Hữu	Phước	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
315	31221570187	Trần Thị	Quyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
316	31221570187	Trần Thị	Quyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
317	31221570187	Trần Thị	Quyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
318	31221570187	Trần Thị	Quyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
319	31221570198	Trần Thị Mỹ	Quyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
320	31221570198	Trần Thị Mỹ	Quyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
321	31221570198	Trần Thị Mỹ	Quyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
322	31221570198	Trần Thị Mỹ	Quyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
323	31221570247	Hoàng Thị Như	Quỳnh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
324	31221570247	Hoàng Thị Như	Quỳnh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
325	31221570247	Hoàng Thị Như	Quỳnh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
326	31221570247	Hoàng Thị Như	Quỳnh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
327	31221570255	Nguyễn Thị Kim	Quỳnh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
328	31221570255	Nguyễn Thị Kim	Quỳnh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
329	31221570255	Nguyễn Thị Kim	Quỳnh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
330	31221570255	Nguyễn Thị Kim	Quỳnh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
331	31221570209	Võ Thị Quế	Thanh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
332	31221570209	Võ Thị Quế	Thanh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
333	31221570209	Võ Thị Quế	Thanh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
334	31221570209	Võ Thị Quế	Thanh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
335	31221570154	Tô Phương	Thảo	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
336	31221570154	Tô Phương	Thảo	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
337	31221570154	Tô Phương	Thảo	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
338	31221570154	Tô Phương	Thảo	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
339	31221570237	Lê Anh	Thuận	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
340	31221570237	Lê Anh	Thuận	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học
341	31221570237	Lê Anh	Thuận	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
342	31221570237	Lê Anh	Thuận	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
343	31221570249	Ngô Thị Thanh	Thủy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
344	31221570249	Ngô Thị Thanh	Thủy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
345	31221570249	Ngô Thị Thanh	Thủy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
346	31221570249	Ngô Thị Thanh	Thủy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
347	31221570162	Nguyễn Anh	Thy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
348	31221570162	Nguyễn Anh	Thy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
349	31221570162	Nguyễn Anh	Thy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
350	31221570241	Trần Thị Cẩm	Tiên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
351	31221570241	Trần Thị Cẩm	Tiên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
352	31221570241	Trần Thị Cẩm	Tiên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
353	31221570241	Trần Thị Cẩm	Tiên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
354	31221570288	Trương Thị Kiều	Tiên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1
355	31221570288	Trương Thị Kiều	Tiên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2
356	31221570288	Trương Thị Kiều	Tiên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3
357	31221570288	Trương Thị Kiều	Tiên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4
358	31221570155	Nguyễn Thái	Toàn	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
359	31221570155	Nguyễn Thái	Toàn	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
360	31221570155	Nguyễn Thái	Toàn	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
361	31221570155	Nguyễn Thái	Toàn	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
362	31221570163	Nguyễn Thái	Toàn	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
363	31221570163	Nguyễn Thái	Toàn	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
364	31221570163	Nguyễn Thái	Toàn	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
365	31221570163	Nguyễn Thái	Toàn	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
366	31221570156	Phạm Thị Bảo	Trân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
367	31221570156	Phạm Thị Bảo	Trân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
368	31221570156	Phạm Thị Bảo	Trân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học
369	31221570156	Phạm Thị Bảo	Trần	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
370	31221570197	Võ Thị Huyền	Trần	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
371	31221570197	Võ Thị Huyền	Trần	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
372	31221570197	Võ Thị Huyền	Trần	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
373	31221570197	Võ Thị Huyền	Trần	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
374	31221570252	Mạc Ngọc Bảo	Trần	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
375	31221570252	Mạc Ngọc Bảo	Trần	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
376	31221570252	Mạc Ngọc Bảo	Trần	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
377	31221570252	Mạc Ngọc Bảo	Trần	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
378	31221570351	Nguyễn Yến	Trâm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
379	31221570351	Nguyễn Yến	Trâm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
380	31221570351	Nguyễn Yến	Trâm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
381	31221570351	Nguyễn Yến	Trâm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
382	31221570160	Đỗ Huỳnh Nhật	Uyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
383	31221570160	Đỗ Huỳnh Nhật	Uyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
384	31221570160	Đỗ Huỳnh Nhật	Uyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
385	31221570210	Nguyễn Thị Thúy	Uyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3
386	31221570210	Nguyễn Thị Thúy	Uyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4
387	31221570236	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
388	31221570236	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
389	31221570236	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
390	31221570236	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Marketing - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
391	31221570492	Bùi Chiếu	Bảng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
392	31221570492	Bùi Chiếu	Bảng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
393	31221570492	Bùi Chiếu	Bảng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
394	31221570492	Bùi Chiếu	Bảng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
395	31221570463	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
396	31221570463	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học
397	31221570463	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
398	31221570463	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
399	31221570483	Trịnh Cẩm	Hằng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
400	31221570483	Trịnh Cẩm	Hằng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
401	31221570483	Trịnh Cẩm	Hằng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
402	31221570483	Trịnh Cẩm	Hằng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
403	31221570437	Nguyễn Thị Huỳnh	Hương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
404	31221570437	Nguyễn Thị Huỳnh	Hương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
405	31221570437	Nguyễn Thị Huỳnh	Hương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
406	31221570437	Nguyễn Thị Huỳnh	Hương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
407	31221570465	Nguyễn Đăng	Khôi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
408	31221570465	Nguyễn Đăng	Khôi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
409	31221570465	Nguyễn Đăng	Khôi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
410	31221570465	Nguyễn Đăng	Khôi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
411	31221570466	Lê Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
412	31221570466	Lê Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
413	31221570466	Lê Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
414	31221570466	Lê Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
415	31221570537	Nguyễn Mỹ	Nghi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
416	31221570537	Nguyễn Mỹ	Nghi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
417	31221570537	Nguyễn Mỹ	Nghi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
418	31221570537	Nguyễn Mỹ	Nghi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
419	31221570470	Nguyễn Quỳnh Ngọc	Phương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
420	31221570470	Nguyễn Quỳnh Ngọc	Phương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
421	31221570470	Nguyễn Quỳnh Ngọc	Phương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
422	31221570470	Nguyễn Quỳnh Ngọc	Phương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
423	31221570530	Đào Minh	Tấn	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
424	31221570530	Đào Minh	Tấn	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học
425	31221570530	Đào Minh	Tấn	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
426	31221570530	Đào Minh	Tấn	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
427	31221570469	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
428	31221570469	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
429	31221570469	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
430	31221570469	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
431	31221570485	Phạm Thị Yến	Thuy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
432	31221570485	Phạm Thị Yến	Thuy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
433	31221570485	Phạm Thị Yến	Thuy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
434	31221570485	Phạm Thị Yến	Thuy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
435	31221570506	Trương Thị Huỳnh	Trâm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
436	31221570506	Trương Thị Huỳnh	Trâm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
437	31221570506	Trương Thị Huỳnh	Trâm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
438	31221570506	Trương Thị Huỳnh	Trâm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
439	31221570482	Phan Băng	Trinh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
440	31221570482	Phan Băng	Trinh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
441	31221570482	Phan Băng	Trinh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
442	31221570482	Phan Băng	Trinh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
443	31221570435	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
444	31221570435	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
445	31221570435	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
446	31221570435	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
447	31221570451	Phan Quốc	Vện	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
448	31221570451	Phan Quốc	Vện	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
449	31221570451	Phan Quốc	Vện	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
450	31221570451	Phan Quốc	Vện	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
451	31221570445	Ngô Thị Tường	Vy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
452	31221570445	Ngô Thị Tường	Vy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học
453	31221570445	Ngô Thị Tường	Vy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
454	31221570445	Ngô Thị Tường	Vy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Ngân hàng - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
455	31221570143	Phan Đoàn Phước	Đạt	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
456	31221570143	Phan Đoàn Phước	Đạt	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
457	31221570143	Phan Đoàn Phước	Đạt	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
458	31221570143	Phan Đoàn Phước	Đạt	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
459	31221570538	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1
460	31221570538	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2
461	31221570538	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3
462	31221570538	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4
463	31221570145	Trần Thị Ngọc	Hân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
464	31221570145	Trần Thị Ngọc	Hân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
465	31221570145	Trần Thị Ngọc	Hân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
466	31221570145	Trần Thị Ngọc	Hân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
467	31221570149	Hồ Thị Thanh	Hăng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1
468	31221570149	Hồ Thị Thanh	Hăng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2
469	31221570149	Hồ Thị Thanh	Hăng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3
470	31221570149	Hồ Thị Thanh	Hăng	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4
471	31221570134	Dương Thanh	Hương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
472	31221570134	Dương Thanh	Hương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
473	31221570134	Dương Thanh	Hương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
474	31221570134	Dương Thanh	Hương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
475	31221570137	Ngô Hồ Minh	Khánh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1
476	31221570137	Ngô Hồ Minh	Khánh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2
477	31221570137	Ngô Hồ Minh	Khánh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3
478	31221570137	Ngô Hồ Minh	Khánh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4
479	31221570108	Nguyễn Thành	Lập	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
480	31221570108	Nguyễn Thành	Lập	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học
481	31221570108	Nguyễn Thành	Lập	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
482	31221570108	Nguyễn Thành	Lập	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
483	31221570141	Nguyễn Duy	Lộc	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
484	31221570141	Nguyễn Duy	Lộc	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
485	31221570141	Nguyễn Duy	Lộc	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
486	31221570141	Nguyễn Duy	Lộc	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
487	31221570142	Nguyễn Thị Trà	My	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
488	31221570142	Nguyễn Thị Trà	My	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
489	31221570142	Nguyễn Thị Trà	My	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
490	31221570142	Nguyễn Thị Trà	My	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
491	31221570101	Lê Châu Hoàn	Mỹ	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
492	31221570101	Lê Châu Hoàn	Mỹ	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
493	31221570101	Lê Châu Hoàn	Mỹ	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
494	31221570101	Lê Châu Hoàn	Mỹ	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
495	31221570092	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
496	31221570092	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
497	31221570092	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
498	31221570092	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
499	31221570117	Nguyễn Thị Thu	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
500	31221570117	Nguyễn Thị Thu	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
501	31221570117	Nguyễn Thị Thu	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
502	31221570117	Nguyễn Thị Thu	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
503	31221570100	Nguyễn Hà Long	Nhật	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
504	31221570100	Nguyễn Hà Long	Nhật	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
505	31221570100	Nguyễn Hà Long	Nhật	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
506	31221570100	Nguyễn Hà Long	Nhật	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
507	31221570090	Nguyễn Huỳnh	Như	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
508	31221570090	Nguyễn Huỳnh	Như	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học
509	31221570090	Nguyễn Huỳnh	Như	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
510	31221570090	Nguyễn Huỳnh	Như	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
511	31221570121	Nguyễn Huỳnh	Như	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
512	31221570121	Nguyễn Huỳnh	Như	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
513	31221570121	Nguyễn Huỳnh	Như	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
514	31221570121	Nguyễn Huỳnh	Như	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
515	31221570124	Lê Tuyết	Nhi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
516	31221570124	Lê Tuyết	Nhi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
517	31221570124	Lê Tuyết	Nhi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
518	31221570124	Lê Tuyết	Nhi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
519	31221570144	Phạm Nguyễn Yến	Nhi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
520	31221570144	Phạm Nguyễn Yến	Nhi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
521	31221570144	Phạm Nguyễn Yến	Nhi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
522	31221570144	Phạm Nguyễn Yến	Nhi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
523	31221570148	Cao Thị Như	Quỳnh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
524	31221570148	Cao Thị Như	Quỳnh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
525	31221570148	Cao Thị Như	Quỳnh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
526	31221570148	Cao Thị Như	Quỳnh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
527	31221570093	Nguyễn Tấn	Tài	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
528	31221570093	Nguyễn Tấn	Tài	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
529	31221570093	Nguyễn Tấn	Tài	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
530	31221570093	Nguyễn Tấn	Tài	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
531	31221570113	Nguyễn Quốc	Thái	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
532	31221570113	Nguyễn Quốc	Thái	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
533	31221570113	Nguyễn Quốc	Thái	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
534	31221570113	Nguyễn Quốc	Thái	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
535	31221570147	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
536	31221570147	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học
537	31221570147	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
538	31221570147	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
539	31221570132	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
540	31221570132	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
541	31221570132	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
542	31221570132	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
543	31221570103	Trần Thị Xuân	Thu	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
544	31221570103	Trần Thị Xuân	Thu	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
545	31221570103	Trần Thị Xuân	Thu	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
546	31221570103	Trần Thị Xuân	Thu	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
547	31221570140	Danh Thị Anh	Thư	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
548	31221570140	Danh Thị Anh	Thư	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
549	31221570140	Danh Thị Anh	Thư	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
550	31221570140	Danh Thị Anh	Thư	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
551	31221570118	Nguyễn Minh	Thùy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
552	31221570118	Nguyễn Minh	Thùy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
553	31221570118	Nguyễn Minh	Thùy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
554	31221570118	Nguyễn Minh	Thùy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
555	31221570348	Nguyễn Nhật	Tiến	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
556	31221570348	Nguyễn Nhật	Tiến	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
557	31221570348	Nguyễn Nhật	Tiến	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
558	31221570348	Nguyễn Nhật	Tiến	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
559	31221570119	Trần Trần	Trần	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
560	31221570119	Trần Trần	Trần	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
561	31221570119	Trần Trần	Trần	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
562	31221570119	Trần Trần	Trần	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
563	31221570127	Vũ Xuân	Việt	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
564	31221570127	Vũ Xuân	Việt	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học
565	31221570127	Vũ Xuân	Việt	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
566	31221570127	Vũ Xuân	Việt	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
567	31221570110	Nguyễn Ngọc Khánh	Vy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
568	31221570110	Nguyễn Ngọc Khánh	Vy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
569	31221570110	Nguyễn Ngọc Khánh	Vy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
570	31221570110	Nguyễn Ngọc Khánh	Vy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
571	31221570123	Võ Thị Kim	Xuyến	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1
572	31221570123	Võ Thị Kim	Xuyến	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2
573	31221570123	Võ Thị Kim	Xuyến	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3
574	31221570123	Võ Thị Kim	Xuyến	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4
575	31221570115	Nguyễn Trang Phi	Yến	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
576	31221570115	Nguyễn Trang Phi	Yến	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
577	31221570115	Nguyễn Trang Phi	Yến	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
578	31221570115	Nguyễn Trang Phi	Yến	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Quản trị - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
579	31221570536	Lê Phương	Anh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Song ngành Kinh doanh nông nghiệp và Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng - K48 PHVL	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1
580	31221570536	Lê Phương	Anh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Song ngành Kinh doanh nông nghiệp và Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng - K48 PHVL	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2
581	31221570536	Lê Phương	Anh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Song ngành Kinh doanh nông nghiệp và Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng - K48 PHVL	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3
582	31221570536	Lê Phương	Anh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Song ngành Kinh doanh nông nghiệp và Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng - K48 PHVL	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4
583	31221570542	Nguyễn Vũ Thục	Đoan	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Song ngành Kinh doanh nông nghiệp và Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng - K48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
584	31221570542	Nguyễn Vũ Thục	Đoan	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Song ngành Kinh doanh nông nghiệp và Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng - K48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học
585	31221570542	Nguyễn Vũ Thục	Đoan	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Song ngành Kinh doanh nông nghiệp và Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng - K48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
586	31221570542	Nguyễn Vũ Thục	Đoan	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Song ngành Kinh doanh nông nghiệp và Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng - K48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
587	31221570546	Phạm Thị Thảo	Nhi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Song ngành Kinh doanh nông nghiệp và Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng - K48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
588	31221570546	Phạm Thị Thảo	Nhi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Song ngành Kinh doanh nông nghiệp và Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng - K48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
589	31221570546	Phạm Thị Thảo	Nhi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Song ngành Kinh doanh nông nghiệp và Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng - K48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
590	31221570546	Phạm Thị Thảo	Nhi	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Song ngành Kinh doanh nông nghiệp và Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng - K48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
591	31221570494	Hoàng	Sơn	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Song ngành Kinh doanh nông nghiệp và Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng - K48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
592	31221570494	Hoàng	Sơn	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Song ngành Kinh doanh nông nghiệp và Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng - K48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
593	31221570494	Hoàng	Sơn	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Song ngành Kinh doanh nông nghiệp và Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng - K48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
594	31221570505	Đoàn Huỳnh Thảo	Vy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Song ngành Kinh doanh nông nghiệp và Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng - K48 PHVL	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1
595	31221570505	Đoàn Huỳnh Thảo	Vy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Song ngành Kinh doanh nông nghiệp và Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng - K48 PHVL	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học
596	31221570505	Đoàn Huỳnh Thảo	Vy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Song ngành Kinh doanh nông nghiệp và Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng - K48 PHVL	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3
597	31221570505	Đoàn Huỳnh Thảo	Vy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Song ngành Kinh doanh nông nghiệp và Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng - K48 PHVL	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4
598	31221570502	Lê Thị Thúy	Ái	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1
599	31221570502	Lê Thị Thúy	Ái	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2
600	31221570502	Lê Thị Thúy	Ái	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4
601	31221570458	Lê Anh	Duy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
602	31221570458	Lê Anh	Duy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
603	31221570458	Lê Anh	Duy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
604	31221570458	Lê Anh	Duy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
605	31221570487	Phòng Thị Quỳnh	Hương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1
606	31221570487	Phòng Thị Quỳnh	Hương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2
607	31221570487	Phòng Thị Quỳnh	Hương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3
608	31221570487	Phòng Thị Quỳnh	Hương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4
609	31221570378	Nguyễn Thành	Huy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
610	31221570378	Nguyễn Thành	Huy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
611	31221570378	Nguyễn Thành	Huy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
612	31221570378	Nguyễn Thành	Huy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
613	31221570455	Trương Văn	Huỳnh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
614	31221570455	Trương Văn	Huỳnh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
615	31221570455	Trương Văn	Huỳnh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
616	31221570455	Trương Văn	Huỳnh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
617	31221570454	Huỳnh Lưu Văn	Khánh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
618	31221570454	Huỳnh Lưu Văn	Khánh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
619	31221570454	Huỳnh Lưu Văn	Khánh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
620	31221570454	Huỳnh Lưu Văn	Khánh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học
621	31221570471	Nguyễn Phạm Hiễn	Minh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1
622	31221570471	Nguyễn Phạm Hiễn	Minh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2
623	31221570471	Nguyễn Phạm Hiễn	Minh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3
624	31221570471	Nguyễn Phạm Hiễn	Minh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4
625	31221570425	Nguyễn Thanh	Như	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
626	31221570425	Nguyễn Thanh	Như	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
627	31221570425	Nguyễn Thanh	Như	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
628	31221570425	Nguyễn Thanh	Như	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
629	31221570440	Phùng Hoàng Hồng	Nhung	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
630	31221570440	Phùng Hoàng Hồng	Nhung	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
631	31221570440	Phùng Hoàng Hồng	Nhung	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
632	31221570440	Phùng Hoàng Hồng	Nhung	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
633	31221570424	Từ Tấn	Phô	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
634	31221570424	Từ Tấn	Phô	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
635	31221570424	Từ Tấn	Phô	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
636	31221570424	Từ Tấn	Phô	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
637	31221570491	Nguyễn Hoàng	Thái	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
638	31221570491	Nguyễn Hoàng	Thái	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
639	31221570491	Nguyễn Hoàng	Thái	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
640	31221570491	Nguyễn Hoàng	Thái	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
641	31221570476	Lê Phương	Thảo	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
642	31221570476	Lê Phương	Thảo	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
643	31221570476	Lê Phương	Thảo	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
644	31221570476	Lê Phương	Thảo	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
645	31221570438	Nguyễn Phúc	Thiên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
646	31221570438	Nguyễn Phúc	Thiên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
647	31221570438	Nguyễn Phúc	Thiên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
648	31221570438	Nguyễn Phúc	Thiên	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học
649	31221570481	Hồ Xuân	Thương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
650	31221570481	Hồ Xuân	Thương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
651	31221570481	Hồ Xuân	Thương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
652	31221570481	Hồ Xuân	Thương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Tài chính - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
653	31221570358	Nguyễn Bảo	Ân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
654	31221570358	Nguyễn Bảo	Ân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
655	31221570358	Nguyễn Bảo	Ân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
656	31221570358	Nguyễn Bảo	Ân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
657	31221570408	Nguyễn Ngọc	Diễm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
658	31221570408	Nguyễn Ngọc	Diễm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
659	31221570408	Nguyễn Ngọc	Diễm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
660	31221570408	Nguyễn Ngọc	Diễm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
661	31221570390	Hoàng Thị	Hoa	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
662	31221570390	Hoàng Thị	Hoa	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
663	31221570390	Hoàng Thị	Hoa	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
664	31221570390	Hoàng Thị	Hoa	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
665	31221570412	Nguyễn Thị Liên	Hương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
666	31221570412	Nguyễn Thị Liên	Hương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
667	31221570412	Nguyễn Thị Liên	Hương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
668	31221570412	Nguyễn Thị Liên	Hương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
669	31221570357	Nguyễn Gia	Huy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
670	31221570357	Nguyễn Gia	Huy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
671	31221570357	Nguyễn Gia	Huy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
672	31221570357	Nguyễn Gia	Huy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
673	31221570380	Nguyễn Thị Kim	Khánh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
674	31221570380	Nguyễn Thị Kim	Khánh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
675	31221570380	Nguyễn Thị Kim	Khánh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
676	31221570380	Nguyễn Thị Kim	Khánh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học
677	31221570375	Hồ Thị Thùy	Linh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
678	31221570375	Hồ Thị Thùy	Linh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
679	31221570375	Hồ Thị Thùy	Linh	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
680	31221570406	Trương Hoàng	Lộc	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
681	31221570406	Trương Hoàng	Lộc	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
682	31221570406	Trương Hoàng	Lộc	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
683	31221570406	Trương Hoàng	Lộc	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
684	31221570392	Dương Thị Cẩm	Ly	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
685	31221570392	Dương Thị Cẩm	Ly	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
686	31221570392	Dương Thị Cẩm	Ly	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
687	31221570392	Dương Thị Cẩm	Ly	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
688	31221570393	Nguyễn Thị Thảo	My	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
689	31221570393	Nguyễn Thị Thảo	My	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
690	31221570393	Nguyễn Thị Thảo	My	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
691	31221570393	Nguyễn Thị Thảo	My	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
692	31221570376	Tăng Thị Thùy	Nhân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
693	31221570376	Tăng Thị Thùy	Nhân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
694	31221570376	Tăng Thị Thùy	Nhân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
695	31221570376	Tăng Thị Thùy	Nhân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
696	31221570388	Trần Lê Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
697	31221570388	Trần Lê Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
698	31221570388	Trần Lê Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
699	31221570388	Trần Lê Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
700	31221570409	Phạm Thị Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
701	31221570409	Phạm Thị Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
702	31221570409	Phạm Thị Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
703	31221570409	Phạm Thị Kim	Ngân	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
704	31221570373	Nguyễn Tấn	Phát	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học
705	31221570373	Nguyễn Tấn	Phát	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
706	31221570373	Nguyễn Tấn	Phát	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
707	31221570373	Nguyễn Tấn	Phát	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
708	31221570421	Lê Hoàng	Phương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
709	31221570421	Lê Hoàng	Phương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
710	31221570421	Lê Hoàng	Phương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
711	31221570421	Lê Hoàng	Phương	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
712	31221570356	Võ Linh	Tâm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
713	31221570356	Võ Linh	Tâm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
714	31221570356	Võ Linh	Tâm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
715	31221570356	Võ Linh	Tâm	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
716	31221570383	Nguyễn Chí	Tập	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
717	31221570383	Nguyễn Chí	Tập	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
718	31221570383	Nguyễn Chí	Tập	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
719	31221570383	Nguyễn Chí	Tập	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
720	31221570386	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
721	31221570386	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
722	31221570386	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
723	31221570386	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
724	31221570410	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
725	31221570410	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
726	31221570410	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
727	31221570410	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
728	31221570419	Phạm Ngọc Phương	Thy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
729	31221570419	Phạm Ngọc Phương	Thy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
730	31221570419	Phạm Ngọc Phương	Thy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
731	31221570419	Phạm Ngọc Phương	Thy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
732	31221570399	Trần Anh	Thư	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Khóa học	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học
733	31221570399	Trần Anh	Thư	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
734	31221570399	Trần Anh	Thư	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
735	31221570399	Trần Anh	Thư	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
736	31221570384	Trần Lê Anh	Thy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
737	31221570384	Trần Lê Anh	Thy	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
738	31221570391	Trần Ngọc Minh	Thư	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
739	31221570391	Trần Ngọc Minh	Thư	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
740	31221570391	Trần Ngọc Minh	Thư	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
741	31221570391	Trần Ngọc Minh	Thư	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
742	31221570400	Trần Thị Phương	Thảo	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513001	Tiếng Anh P1
743	31221570400	Trần Thị Phương	Thảo	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513002	Tiếng Anh P2
744	31221570400	Trần Thị Phương	Thảo	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513003	Tiếng Anh P3
745	31221570400	Trần Thị Phương	Thảo	Khóa 48 (KSV) ĐHCQ	Thương mại điện tử - Khóa 48 PHVL	VPET	ENG513004	Tiếng Anh P4
746	31231570388	Dương Minh	Kha	Khóa 49 (KSV) ĐHCQ	[Chuẩn]_Công nghệ và Đổi mới sáng tạo - Khóa 49 PHVL	TOEIC	ENG513154	Tiếng Anh tổng quát
747	31231570287	Phan Thế	Dân	Khóa 49 (KSV) ĐHCQ	[Chuẩn]_Kế toán doanh nghiệp - Khóa 49 PHVL	TOEIC	ENG513154	Tiếng Anh tổng quát
748	31231570428	Nguyễn Mai	Thảo	Khóa 49 (KSV) ĐHCQ	[Chuẩn]_Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 49 PHVL	TOEFL iE	ENG513154	Tiếng Anh tổng quát
749	31231570432	Nguyễn Hữu	Tín	Khóa 49 (KSV) ĐHCQ	[Chuẩn]_Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Khóa 49 PHVL	TOEIC	ENG513154	Tiếng Anh tổng quát

Tổng cộng: 194 sinh viên, 749 học phần